TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2024/DSST
Ngày: 21/6/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Phúc Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Nữa
2. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh Đào – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 194/2023/TLST-DS ngày 02/11/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2024/QĐST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH M;

Địa chỉ trụ sở: Tầng 2, số 81 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường b, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà H Kiêm A, sinh năm 2000;

Địa chỉ thường trú: Buôn Phơng, xã c, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk;

Địa chỉ liên lạc: 261-263 Phan Xích Long, Phường a, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

(Văn bản ủy quyền số 610/2023/POA ngày 25/12/2023)

(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Mưu Thị Ngọc B, sinh năm 1984;

Địa chỉ: 16 khu dân cư Bình Phú, Đường số 14, **Phường x, Quận 6**, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/02/2023, đơn các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án,nguyên đơn bà Mưu Thị Ngọc B trình bày:

Ngày 23/12/2015, bà Mưu Thị Ngọc B và Công ty TNHH một thành viên Tài chính P Việt Nam (nay đổi tên thành Công ty tài chính TNHH một thành viên S Việt Nam, viết tắt là "S") có ký kết Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10761537 với số tiền cho vay là 93.000.000 đồng; mục đích vay: Vay tiêu dùng; thời hạn vay: 48 tháng; lãi suất: 34,5%/năm; lãi phạt bằng 150% lãi suất trong hạn; nợ gốc và nợ lãi được trả thành 48 kỳ; phương thức vay: tín chấp và không có tài sản bảo đảm; ngày rút vốn: 23/12/2015.

Tính đến ngày 05/01/2017, bà B đã thanh toán cho S tổng số tiền là 46.083.400 đồng, trong đó nợ gốc là 14.295.900 đồng và nợ lãi là 31.787.500 đồng. Kể từ ngày 05/02/2017, bà B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với S.

Ngày 09/09/2022, S ký Hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/COLLECTION-S với V. Theo thỏa thuận, S đã chuyển nhượng cho V nhiều hợp đồng tín dụng cùng khoản nợ tương ứng, trong đó bao gồm Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10761537 ngày 23/12/2015 của bị đơn. Sau khi hợp đồng mua bán nợ được ký kết, V có toàn quyền thu hồi khoản nợ theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên và cả thời gian sau khi khoản nợ của bị đơn đã được chuyển nhượng sang V, mặc dù V đã thông báo, đôn đốc bà B trả nợ đầy đủ, đúng hạn theo cam kết đã ký tại hợp đồng tín dụng, nhưng đến nay bà B vẫn không thực hiện nghĩa vụ.

Nay V do bà H Kiêm A đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu bà Mưu Thị Ngọc B phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền vay còn nợ tính đến ngày 21/6/2024 là 342.992.468 đồng, trong đó nợ gốc quá hạn là 78.704.100 đồng, nợ lãi trong hạn là 79.196.001 đồng và nợ lãi quá hạn là 185.092.367 đồng, thanh toán một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra đề nghị bà B tiếp tục thanh toán lãi quá hạn với mức lãi suất 150%x(34,5%/12) = 4,31%tháng cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ trả nợ.

Bị đơn bà Mưu Thị Ngọc B vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Do vậy, tại phiên tòa không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về trình tự thủ tục tố tụng dân sự:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tại phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo nguyên tắc xét xử; người tham

gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M buộc bà Mưu Thị Ngọc B có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH M số tiền tính đến ngày 21/6/2024 là 342.992.468 đồng, trong đó nợ gốc quá hạn là 78.704.100 đồng, nợ lãi trong hạn là 79.196.001 đồng và nợ lãi quá hạn là 185.092.367 đồng.

Bị đơn phải thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày tiếp theo cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Mức lãi suất quy định tại hợp đồng các bên đã ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, các lời khai và kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp hành pháp luật tố tụng và nội dung của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Công ty TNHH M khởi kiện bà Mưu Thị Ngọc B trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10761537 ký ngày 23/12/2015 là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là loại vụ việc tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo hồ sơ vay của Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10761537 ký ngày 23/12/2015, bị đơn bà Mưu Thị Ngọc B có địa chỉ thường trú tại số 16 đường 14, Khu dân cư Bình Phú, Phường x, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo kết quả xác minh nơi cư trú của Công an Phường x, Quận 6: *Đương sự Mưu Thị Ngọc B có hộ khẩu thường trú tại số 16 đường 14, Phường x, Quận 6 từ ngày 18/10/2012. Hiện tạm trú tại 97 đường 33, An Dương Vương, Phường 10, Quận 6 từ tháng 4/2016*. Căn cứ kết quả xác minh nơi cư trú của Công an Phường x, Quận 6: *Tại địa chỉ 97 đường 33, Phường 10, Quận 6 không có nhân khẩu nào tên Mưu Thị Ngọc B, sinh năm 1987 cư trú tại đây*. Như vậy, tại đơn khởi kiện, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bà B được ghi trong hợp đồng được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú". Việc bà B thay đổi nơi cư trú mà không báo cho bên cho vay địa chỉ nơi cư trú mới được coi là cố tình giấu địa chỉ theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bị đơn bà Mưu Thị Ngọc B tại số 16 đường 14, Khu dân cư Bình Phú, Phường x, Quận 6 và vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Căn cứ theo quy định tại điểm

a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận 6, Thành phố Hố Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Công ty TNHH M do bà H Kiêm A làm đại diện theo ủy quyền có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn bà Mưu Thị Ngọc B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về yêu cầu trả nợ do vi phạm nghĩa vụ thanh toán:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy, bà Mưu Thị Ngọc B và Công ty TNHH MTV Tài chính P Việt Nam (nay đổi tên thành Công ty tài chính TNHH MTV S Việt Nam) có ký kết Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10761537 ký ngày 23/12/2015 với số tiền cho vay: 93.000.000 đồng; mục đích vay: Vay tiêu dùng; thời hạn vay: 48 tháng; lãi suất: 34,5%/năm; lãi phạt bằng 150% lãi suất trong hạn; nợ gốc và nợ lãi được trả thành 48 kỳ; phương thức vay: tín chấp và không có tài sản bảo đảm; ngày rút vốn là ngày 23/12/2015.

Xét, các bên tham gia ký kết hợp đồng đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự 2015 nên Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10761537 ký ngày 23/12/2015 phát sinh hiệu lực pháp luật.

Sau khi ký kết, Công ty tài chính TNHH MTV S Việt Nam đã giải ngân cho bà Mưu Thị Ngọc B theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cá nhân nêu trên (đã được bà B xác nhận trong giấy nhận nợ ngày 23/12/2015). Theo Hợp đồng, bị đơn có nghĩa vụ phải thanh toán hàng tháng số tiền là 3.596.300đồng, khoản thanh toán tháng đầu tiên là 1.992.000đồng, khoản thanh toán tháng cuối là 3.598.900đồng trong kỳ hạn 48 tháng kể từ ngày 05/01/2016..

Ngày 09/9/2022, Công ty tài chính TNHH MTV S Việt Nam ký Hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/COLLECTION-S với Công ty TNHH M. Theo thỏa thuận, Công ty tài chính TNHH MTV S Việt Nam đã chuyển nhượng cho Công ty TNHH M nhiều hợp đồng tín dụng cùng khoản nợ tương ứng, trong đó bao gồm Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10761537 ký ngày 23/12/2015 của bà Mưu Thị Ngọc B.

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: *"Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có*

thỏa thuận khác, thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, mua bán nợ của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của Ngân hàng nhà nước".

Căn cứ khoản 1 Điều 14 Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư số 18/2022/TT-NHNN ngày 26/12/2022 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015 quy định: "*Bên mua nợ trở thành người thế quyền, nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ được mua, bán của bên bán nợ kể từ thời điểm bên mua nợ nhận chuyển giao quyền sở hữu khoản nợ từ bên bán nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng mua, bán nợ*".

Do vậy, nguyên đơn Công ty TNHH M được kế thừa quyền, nghĩa vụ của Công ty tài chính TNHH MTV S Việt Nam khởi kiện thu hồi khoản nợ của bị đơn bà Mưu Thị Ngọc B là phù hợp và có căn cứ pháp luật.

Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*".

Căn cứ khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của Tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*".

Căn cứ khoản 1 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng quy định: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng*".

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty TNHH M đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện và Hội đồng xét xử xem xét các tài liệu, chứng cứ này đều có căn cứ để chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn là hợp lý.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Mưu Thị Ngọc B nhưng bà B vẫn không đến Tòa trình bày ý kiến và cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa nên căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 bà B đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận các tài liệu chứng cứ, lời khai của nguyên đơn để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Như vậy, bị đơn bà Mưu Thị Ngọc B đã vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận nên phải chịu trách nhiệm dân sự đối với nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 351 của Bộ luật dân sự.

Do đó, yêu cầu của Công ty TNHH M buộc bị đơn bà Mưu Thị Ngọc B phải thanh toán toàn bộ khoản vay với tổng số tiền tính đến ngày 21/6/2024 là 342.992.468đồng, trong đó nợ gốc quá hạn là 78.704.100đồng, nợ lãi trong hạn là 79.196.001đồng và nợ lãi quá hạn là 185.092.367 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về yêu cầu tiền lãi sau ngày xét xử sơ thẩm: Công ty TNHH M yêu cầu bị đơn bà Mưu Thị Ngọc B thanh toán lãi, phí phát sinh từ ngày 21/6/2024 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán khoản vay theo Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10761537 ký ngày 23/12/2015 .

Căn cứ mục 8.2 Điều 8 của Hợp đồng tín dụng số 10501104 ngày 01/8/2013 về việc "*xử lý sự kiện vi phạm"* quy định: "*khi có bất kỳ sự kiện vi phạm nào theo Điều 8.1 xảy ra, bên cho vay có quyền, không ảnh hưởng đến bất cứ quyền cụ thể nào khác theo Hợp đồng hoặc bất cứ thỏa thuận nào khác, hủy bỏ khoản giải ngân và/hoặc tuyên bố toàn bộ dư nợ của khoản vay cùng với tất cả tiền lãi đã phát sinh và các khoản thanh toán khác phải trả theo Hợp đồng đến hạn phải trả ngay lập tức và yêu cầu bên vay thanh toán ngay toàn bộ số tiền đó".*

Căn cứ khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng: "*Khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo thỏa thuận, thì khách hàng phải trả lãi tiền vay như sau:*

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất cho vay đã thỏa thuận tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả;

b) Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm a khoản này, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả;

c) Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn."

Do đó yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với các quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tại phiên tòa là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Mưu Thị Ngọc B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu trả nợ khoản vay theo Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10761537 ký ngày

23/12/2015 đã được Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

Nguyên đơn Công ty TNHH M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 117, khoản 1 Điều 351, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Căn cứ Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng (sửa đổi, bổ sung năm 2023).

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH M: Buộc bị đơn bà Mưu Thị Ngọc B phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi với tổng số tiền tính đến ngày 21/6/2024 là **342.992.468 đồng (Ba trăm bốn mươi hai triệu chín trăm chín mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi tám đồng)**, trong đó nợ gốc quá hạn là 78.704.100 đồng, nợ lãi trong hạn là 79.196.001 đồng và nợ lãi quá hạn là 185.092.367 đồng.

Thời hạn thanh toán: Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 21/6/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, bà Mưu Thị Ngọc B còn phải trả cho Công ty TNHH M khoản tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo mức lãi suất các bên thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10761537 ngày 23/12/2015. Trường hợp tại Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10761537 ngày 23/12/2015 có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của công ty cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

2. Các bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bà Mưu Thị Ngọc B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.149.623đồng (Mười bảy triệu một trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm hai mươi ba đồng) đối với

yêu cầu trả nợ khoản vay theo Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10761537 ngày 23/12/2015 đã được Tòa án chấp nhận;

3.2. Công ty TNHH M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho Công ty TNHH M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.060.738đồng (chín triệu không trăm sáu mươi nghìn bảy trăm ba mươi tám đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0038515 ngày 02/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương. Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận 6;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ T HẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Phúc Trường